

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2023
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc

2. Ông Nguyễn Trung Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Văn A, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Bị đơn: Chị Sơn Thị M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trương Văn A trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2014 anh và Sơn Thị M xác lập hôn nhân đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau về tiền bạc, việc làm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, anh nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có tiếng nói chung, năm 2023 vợ chồng ly thân cho đến nay, vì vậy anh A yêu cầu ly hôn với chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Sơn Thị Hồng T sinh ngày 09/4/2015, Trương Thuý A sinh ngày 24/5/2018. Trước khi ly hôn vợ chồng có thoả thuận mỗi người nuôi một con chung là anh nuôi Trương Thuý A, chị M nuôi

Son Thị Hồng T, không ai phải cấp dưỡng, tại toà hôm nay Son Thị Hồng T sinh ngày 09/4/2015 có nguyện vọng sống chung với anh A nên anh A yêu cầu nuôi hết hai con chung.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh A không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay bị đơn chị Sơn Thị M xin xét xử vắng mặt nhưng chị M có lời khai như sau:

Chị và anh Trương Văn A tự nguyện xác lập hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay anh A xin ly hôn thì chị chấp nhận ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Sơn Thị Hồng T sinh ngày 09/4/2015, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi, Trương Thuý A sinh ngày 24/5/2018, chị M để cho anh A nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu. Về tài sản chung, về nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay Sơn Thị Hồng T trình bày có nguyện vọng được sống chung với anh A.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh A ly hôn chị M. Về con chung: Giao con chung tên Trương Thuý A sinh ngày 24/5/2018 và Sơn Thị Hồng T sinh ngày 09/4/2015 cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con anh A và chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, về nợ chung: Anh A, chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí anh A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh A và chị M là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, chị Sơn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh A và chị M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/6/2018 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh A và chị M là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh A xin ly hôn chị M, theo lời khai của anh A và chị M thì trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung không còn hạnh phúc, nay tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh A và chị M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh A xin ly hôn, chị M chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của anh A là tự nguyện nên Tòa chấp nhận cho anh A ly hôn chị M là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh A và chị M có hai con chung tên Sơn Thị Hồng T sinh ngày 09/4/2015; Trương Thuý A sinh ngày 24/5/2018.

Xét thấy hai con chung của anh A và chị M đang có cuộc sống ổn định, vì vậy không thể làm xáo trộn về tinh thần, sức khỏe của hai con và Sơn Thị Hồng T sinh ngày 09/4/2015 có nguyện vọng sống chung với anh A, nên cần chấp nhận giao hai con cho anh A nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị M không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí : Anh A phải chịu án phí theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trương Văn A được ly hôn chị Sơn Thị M.

- Về con chung:

Giao con tên Sơn Thị Hồng T sinh ngày 09/4/2015, Trương Thuý A sinh ngày 24/5/2018 cho anh Trương Văn A trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A không yêu cầu nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị M không yêu cầu nên không xét.

Về án phí: Anh Trương Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015791 ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh A đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Sơn Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã H; Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh